TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NG H** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-5-2020
V/v yêu cầu ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NG H, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn A Đam.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Thanh Liêm.
Ông Dương Thanh Hải.
***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ng H.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ng H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2020/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về yêu cầu ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1985; cư trú tại ấp Chợ Th B, xã Tam Giang T, huyện Ng H, tỉnh Cà Mau (có đơn đề nghị vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Võ Trường H1, sinh năm 1985; cư trú tại ấp Chợ Th B, xã Tam Giang T, huyện Ng H, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị Phạm Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Võ Trường H1tự nguyện tìm hiểu rồi sống chung với nhau vào năm 2004, sau đó đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Giang T, huyện Ng H, tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nH1 kết hôn vào ngày 24/9/2009. Trong quá trình sống chung thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và hay cự cãi, hiện nay không còn tình cảm với anh H1. Do đó, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh Võ Trường H1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Võ Chí V - sinh năm 2005 và

Võ Khánh B – sinh năm 2010. Hiện nay Võ Chí V và Võ Khánh B đang sống chung với chị. Nếu Tòa án giải quyết cho vợ chồng chị ly hôn thì chị T yêu cầu được nuôi Võ Chí V, Võ Khánh B và không yêu cầu anh H1cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị T cho rằng hiện bận công việc do đi làm ăn xa, không tham gia tố tụng được và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Đối với anh Võ Trường H1đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng anh H1đều vắng mặt không lý do.

NH1ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Võ Trường H1có địa chỉ cư trú: Ấp Chợ Th B, xã Tam Giang T, huyện Ng H, tỉnh Cà Mau nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ng H, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Anh Võ Trường H1đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh H1đều vắng mặt không lý do. Còn chị Phạm Thị T đi làm xa không tham gia tố tụng được và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử vắng mặt chị T, anh H1theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị T với anh Võ Trường H1tự nguyện tìm hiểu rồi sống chung với nhau vào năm 2004, sau đó đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Tam Giang T, huyện Ng H cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/9/2009 nên hôn nhân giữa chị T và anh H1là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nH1. Chị T xác định quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp và hay cự cãi. Chị T xác định không còn tình cảm với anh H1và kiên quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Võ Trường H1, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1biết việc chị T yêu cầu ly hôn nhưng anh H1không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H1đã trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh H1là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị Phạm Thị T và anh Võ Trường H1có 02 người con chung tên Võ Chí V - sinh năm 2005 và Võ Khánh B – sinh năm 2010, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Đối với anh H1đã được Tòa án thông báo về việc chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung nhưng anh H1không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T; Hơn nữa Võ Chí V và Võ Khánh B có nguyện vọng muốn sống chung với chị T. Mặt khác, từ khi chị T và anh H1không sống chung cho đến nay 02 người con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng đã ổn định về mặt

tâm, sinh lý và phát triển bình thường. Do đó, tiếp tục giao 02 người con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh Võ Trường H1không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở anh H1thực hiện quyền này.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Phạm Thị T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006030 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ng H, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Võ Trường H1.

Cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Võ Trường H1(Theo giấy chứng nhận kết hôn số 133/2009 ngày 24/9/2009 của Ủy ban nhân dân xã Tam Giang T, huyện Ng H)

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Võ Chí V - sinh năm 2005 và Võ Khánh B – sinh năm 2010 cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Võ Trường H1không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 20 tháng 01 năm 2020, chị T đã dự nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006030 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ng H, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án sơ thẩm chị Phạm Thị T và anh Võ Trường H1có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nH1:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ng H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ng H;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Tam Giang T, huyện Ng H (Giấy chứng nhận kết hôn số 133/2009 ngày 24/9/2009);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn A Đam